

QUYẾT ĐỊNH SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 33; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2018 và đơn trình bày ý kiến của Ông Phạm Đức N ngày 20/9/2018; đơn trình bày ý kiến của vợ chồng Ông K' V bà Ka Rộc ngày 28/9/2018.

XÉT THẤY:

Các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 3, xã Lộc B, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ.

- **Bị đơn:** Anh Trương Sỹ T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn 3, xã Lộc B, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Phạm Đức N, Sinh năm 1954

Địa chỉ: Xóm 12, xã Thanh H, huyện Thanh C, tỉnh Nghệ A.

Vợ chồng Ông K' V, Sinh năm 1950 và bà Ka R, Sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn 3, xã Lộc B, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về tài sản chung:**

Tạm giao cho anh Trương Sỹ T được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất 470,5 m² thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 08, Lộc Bảo, Bảo L, Lâm Đồng + tài sản trên đất (theo bản đồ đặc hiện trạng thửa đất ngày 20/12/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo L).

Anh Trương Sỹ T có trách nhiệm thanh toán lại cho Chị Phạm Thị T số tiền 64.000.000 đồng giá trị tương đương đối với phần tài sản được nhận.

Anh Trương Sỹ T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai và được công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

-Về nợ chung:

Chị Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho Ông Phạm Đức N số tiền 15.000.000 đồng.

Anh Trương Sỹ T có trách nhiệm trả cho Ông Phạm Đức N số tiền 15.000.000 đồng.

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự”.

-Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản là 12.413.600 đồng, chị Thanh và anh Tài đồng ý mỗi người có trách nhiệm phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Do toàn bộ số tiền 12.413.600 đồng chị Thanh đã đóng và được Tòa án quyết toán xong nên Anh Trương Sỹ T có trách nhiệm thanh toán lại cho Chị Phạm Thị T số tiền 6.206.800 đồng.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp số tiền 1.225.000 đồng án phí DSST về yêu cầu chia tài sản chung được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 3.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/ 0004626 ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L. Hoàn trả lại cho Chị Phạm Thị T số tiền tạm ứng đã nộp là 2.525.000 đồng. Anh Trương Sỹ T phải nộp số tiền 1.893.150 đồng án phí DSST về yêu cầu chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đ;
- VKSND tỉnh Lâm Đ;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Biên